

Phụ lục
LƯU Ý VỀ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC
(Kèm theo Thông báo số: 311 /TB-LTT ngày 24 tháng 5 năm 2023 của
Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Đối với chứng chỉ Tin học

Căn cứ công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ thông tin và truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT công nhận “bài thi sử dụng máy tính và internet cơ bản IC3 công nhận đáp ứng yêu cầu của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (06 mô đun)”.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/8/2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: “Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản”.

Căn cứ công văn số 6078/BGDĐT-GDTP ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT quy định: “Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc cấp phối chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016 và các khóa đào tạo được tổ chức trước ngày 10/8/2016 (thời điểm Thông tư 17 có hiệu lực thi hành) cần nhanh chóng kết thúc chương trình đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ cho học viên, đảm bảo quyền lợi của người học”. Vậy chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C được cấp sau ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì không được công nhận.

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-BTTTT ngày 21 tháng 01 năm 2020 (có hiệu lực 03 năm) của Bộ Thông tin và truyền thông công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định: “Công nhận chứng chỉ ICDL Profile Certificate của tổ chức ECDL/ICDL Foundation (gồm 05 mô-đun Computer Essentials, Online Essentials, Word Processing, Spreadsheets, Presentation) đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014”.

Căn cứ văn bản số 1415/QLCL-QLVBCC ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức sát hạch, cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin: “Từ ngày 28 tháng 8 năm 2020, công nhận chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (cơ bản và nâng cao) do Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh cấp theo Công văn số 1415/QLCL-QLVBCC.”

2. Đối với trình độ Ngoại ngữ

2.1. Đối với các chứng chỉ Tiếng Anh

- Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C;

- Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về Tiếng Anh thực hành;



- Căn cứ theo quy định của Cambridge từ tháng 11 năm 2011;
- Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Căn cứ công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phúc đáp CV số 4453/BNV-CCVC; công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.
- Căn cứ công văn số 3619/GDĐT-TiH ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về chuẩn năng lực các cấp độ của bài thi PTE Young Learners và PTE General;

Việc quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh thực hiện như sau:

| Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT-BGDĐT) | Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương của Tiếng Anh | | | | | | | | |
|---|--|-------------------------|---------------------------------|---------------|-----------|-----------|---------------------|----------|---------|
| | CC Tiếng Anh theo QĐ 177 | CC Tiếng Anh theo QĐ 66 | Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) | TOEFL PBT/ITP | TOEFL CBT | TOEFL iBT | TOEIC 4 kỹ năng | | |
| | | | | | | | Listening & Reading | Speaking | Writing |
| Bậc 1 | Trình độ A | Trình độ A1 | A1 | | | | 120-220 | 50 | 30 |
| Bậc 2 | Trình độ B | Trình độ A2 | A2 | 360-449 | | 30 | 225-445 | 70-90 | 50-70 |
| Bậc 3 | Trình độ C | Trình độ B1 | B1 | 450-499 | 133 | 31-45 | 450-595 | 100-130 | 90-120 |
| Bậc 4 | | Trình độ B2 | B2 | 500-589 | 173 | 46-93 | 600-845 | 140-160 | 130-150 |
| Bậc 5 | | Trình độ C1 | C1 | 590-649 | | 94-109 | 850-940 | 170-180 | 160-180 |
| Bậc 6 | | Trình độ C2 | C2 | 650-677 | | 110-120 | 945-990 | 190 | 190 |

| Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT-BGDĐT) | Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương của Tiếng Anh (tt) | | | | |
|---|---|-----------|----------------------|--------|-------------|
| | Cambridge English | IELTS | BEC | BULATS | PTE General |
| Bậc 1 | | | | | 246 |
| Bậc 2 | KET | 4 | | 20 | 381 |
| Bậc 3 | PET | 4.5 - 5 | Business Preliminary | 40 | 450 |
| Bậc 4 | FCE | 5.5 - 6.5 | Business Vantage | 60 | 600 |
| Bậc 5 | CAE | 7-7.5 | Business Higher | 75 | 850 |
| Bậc 6 | CPE | 8-9 | | 90 | 910 |

- Căn cứ văn bản số 3465/BGDĐT-QLCL ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: "Từ ngày 08 tháng 9 năm 2020: công nhận chứng chỉ ngoại ngữ

theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường Đại học Quy Nhơn cấp theo Công văn số 3465/BGDĐT-QLCL”.

2.2. Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ khác

Căn cứ bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1, B2 khung Châu Âu kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

| Khung NLNN 6 bậc | Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) | Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác) | | | | | |
|------------------|---------------------------------|---|------------|---------------------|-------------|------------|-------------|
| | | Tiếng Nga | Tiếng Pháp | Tiếng Đức | Tiếng Trung | Tiếng Nhật | Tiếng Hàn |
| Bậc 1 | A1 | TEU | DELTA A1 | A1 | HSK cấp 1 | JLPT N5 | Topik I-L1 |
| Bậc 2 | A2 | TBU | DELTA A2 | A2 | HSK cấp 2 | | Topik I-L2 |
| Bậc 3 | B1 | TRKI 1 | DELTA B1 | B1 ZD | HSK cấp 3 | JLPT N4 | Topik II-L3 |
| Bậc 4 | B2 | TRKI 2 | DELTA B2 | B2 test DaF level 4 | HSK cấp 4 | JLPT N3 | Topik II-L4 |

3. Danh sách các đơn vị được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học (Đính kèm theo Thông báo số 297/TB-QLCL ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo)/.

